

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 03 – 9 – 2020  
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hồng;
2. Ông Phan Phước Tân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 292/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 436/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Thái Thị L, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 04, ấp A, xã K, huyện AP, tỉnh An Giang.

***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 10, ấp T1, xã K, huyện AP, tỉnh An Giang.

***Người làm chứng:*** Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1938; địa chỉ: Tổ 10, ấp T1, xã K, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Thái Thị L vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do, ông Nguyễn Văn B có yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 20/7/2020 của bà Thái Thị L; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị L và ông Nguyễn Văn T tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã K, huyện AP (theo bản sao Trích lục kết hôn số 01/TLKH-BS ngày 17/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã K huyện AP).

Sau khi kết hôn thì bà Thái Thị L và ông Nguyễn Văn T sinh sống tại gia đình bà L khoảng 07 năm, thời gian này bà L và ông T chung sống với nhau hạnh phúc. Đến khoảng năm 2012 thì ông T lên Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, bà L vẫn sinh sống tại địa phương. Quá trình ông T đi làm xa, ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà L hỏi thì ông T xác nhận. Gia đình ông T cũng khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Bà L và ông T sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông T sinh được 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Văn C, sinh ngày 25/6/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 28/5/2011. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà L.

Bà L yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Nguyễn Văn T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 13/8/2020 nhưng ông T vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T, ông T cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 10/8/2020, bà Thái Thị L có đơn yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận làm ăn ở xa.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Thái Thị L giao nộp: Bản sao Trích lục kết hôn số 01/TLKH-BS ngày 17/02/2019 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện AP; bản sao Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Văn C, sinh ngày 25/6/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 28/5/2011; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Nguyễn Văn T; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Thái Thị L; bản chính Đơn yêu cầu ngày 10/8/2020.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn B ngày 13/8/2020 kèm bản photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn B; bản chính biên bản ghi nhận ý kiến con chung tên Nguyễn Văn C và Nguyễn Thành N.

Tại phiên tòa, do bà L và ông T cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà L, biên bản lấy lời khai người làm chứng ông Nguyễn Văn B, biên bản ghi nhận ý kiến con chung và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 13/8/2020, ông Nguyễn Văn B cho biết: Ông B là cha ruột của ông Nguyễn Văn T. Hiện ông T đang sinh sống cùng ông B, dù đi làm ăn xa nhưng ông Tuấn vẫn thường xuyên trở về sinh sống cùng ông B. Ông B có nhận thay ông T các văn bản tố tụng của Tòa án.

Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà L và ông T thì như lời bà L trình bày. Thời gian ông T làm công nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chung thủy trong hôn nhân. Ông B có động viên, hòa giải cho cả hai hàn gắn nhưng ông T không thay đổi. Ông T và bà L sống ly thân nhau hơn 07 năm nay, không hàn gắn tình cảm nên ông B có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông T sinh được 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Văn C, sinh ngày 25/6/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 28/5/2011. Con chung hiện đang sống cùng bà L.

Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do nhà xa, tuổi cao nên ông B yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Đồng thời, ông B cam kết sẽ nhận thay ông T các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ thông báo lại cho ông T biết.

- Theo biên bản ghi nhận ý kiến, cháu Nguyễn Thành N và cháu Nguyễn Văn C cùng cho biết: Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng bà L. Các cháu nhận được mọi sự chăm sóc, giáo dục từ bà L từ trước cho đến nay. Trong trường hợp ông T và bà L ly hôn thì các cháu cùng mong muốn được sinh sống cùng bà L.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Thái Thị L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Nguyễn Văn B đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung của bà L. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông T đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Thái Thị L có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng ông Nguyễn Văn B có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Thái Thị L và ông Nguyễn Văn T có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện AP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 195 ngày 03/12/2008. Ông Nguyễn Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 10, ấp T1, xã

K, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị L cho rằng, quá trình chung sống, thời gian đầu bà L và ông T chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2012 thì ông T lên Thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân, bà L vẫn sinh sống tại địa phương. Quá trình ông T đi làm xa, ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bà L hỏi thì ông T xác nhận. Gia đình ông T cũng khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Bà L và ông T sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T. Những mâu thuẫn mà bà Loan trình bày được cha ruột ông T là ông Nguyễn Văn B xác nhận trong biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 13/8/2020.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà L và ông T lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc ông T không chung thủy trong quá trình chung sống với bà L, cũng như việc cả hai đã sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm mặc dù đã được gia đình hòa giải, động viên đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Thái Thị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà L và ông T sinh được 02 (hai) con chung tên: Nguyễn Văn C, sinh ngày 25/6/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 28/5/2011. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà L.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà L, nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn C và cháu Nguyễn Thành N, cũng như sự đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà Thái Thị L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Văn C, sinh ngày 25/6/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 28/5/2011.

Bà L không yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà L về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà L vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà L trong việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Văn T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Thái Thị L. Ngược lại, bà Thái Thị L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thái Thị L xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Thái Thị Loan phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Nguyễn Văn Tuấn không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Thái Thị L và ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Bà Thái Thị L được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Văn C, sinh ngày 25/6/2006 và Nguyễn Thành N, sinh ngày 28/5/2011. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Văn T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Thái Thị L. Ngược lại, bà Thái Thị L cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Thái Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004654 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Thái Thị L và ông Nguyễn Văn T. Bà L và ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 195 ngày 03/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện AP cấp cho bà Thái Thị Loan và ông Nguyễn Văn T (theo bản sao Trích lục kết hôn số 01/TLKH-BS ngày 17/02/2019) không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

*(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã K (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Tuấn**